ĐÁP ÁN ÔN TẬP HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2022- 2023
MÔN ĐỊA LÍ 12
CHỦ ĐỀ: ĐỊA LÍ DÂN CƯ

Câu 1: Lao động nước ta hiện nay

A. làm nhiều nghề, số lượng nhỏ.
B. có số lượng đông, tăng nhanh.
C. có tác phong công nghiệp cao.
D. tập trung chủ yếu ở thành thị.

Câu 2: Lao động nước ta hiện nay

A. có số lượng đông, tăng chậm.
B. hầu hết đều hoạt động dịch vụ.
C. tập trung chủ yếu ở nông thôn.
D. tăng rất nhanh, có trình độ cao.

Câu 3: Lao động nông thôn nước ta hiện nay

A. có qui mô đông và tỉ lệ đang tăng.
B. có ít kinh nghiệm trong nông nghiệp.
C. thiếu việc làm cao, tỉ lệ đang giảm.
D. rất đông, có tỉ lệ thất nghiệp rất lớn.

Câu 4: Nguồn lao động của nước ta hiện nay

A. chất lượng lao động ngày càng được nâng cao.
B. đội ngũ công nhân kĩ thuật lành nghề đủ.
C. nguồn lao động đông và xu hướng giảm.
D. lực lượng lao động có trình độ cao đông đảo.

Câu 5: Lao động nông thôn nước ta hiện nay

A. hầu hết đã qua đào tạo nghề nghiệp.
B. chỉ hoạt động trong ngành trồng trọt.
C. có số lượng lớn hơn khu vực đô thị.
D. phần nhiều đạt mức thu nhập rất cao.

Câu 6: Lao động trong công nghiệp nước ta hiện nay

A. làm nhiều nghề, số lượng nhỏ.
B. có số lượng đông, trình độ nâng cao.
C. có tác phong công nghiệp rất cao.
D. tập trung chủ yếu ở nông thôn.

Câu 7: Cơ cấu lao động theo ngành kinh tế của nước ta hiện nay

A. tăng tỉ trọng ở nhóm các ngành dịch vụ.
B. giảm tỉ trọng ở công nghiệp - xây dựng.
C. không có thay đổi tỉ trọng ở các ngành.
D. tăng tỉ trọng ở nông - lâm - ngư nghiệp.

Câu 8: Cơ cấu lao động theo thành thị và nông thôn của nước ta hiện nay

A. có tỷ trọng thành thị tăng, nông thôn giảm.
B. thường xuyên ổn định, không có thay đổi.
C. đều tăng cao tỷ trọng thành thị, nông thôn.
D. có tỷ trọng nông thôn tăng, thành thị giảm.

Câu 9: Hạn chế của nguồn lao động nước ta là

A. nhân lực trẻ và không chăm chỉ.
B. chất lượng chưa được cải thiện.
C. không có kinh nghiệm sản xuất.
D. thiếu cán bộ quản lí có trình độ.

Câu 10: Chất lượng nguồn lao động của nước ta ngày càng được nâng cao chủ yếu là do

A. mở thêm nhiều các trung tâm đào tạo và hướng nghiệp.
B. phát triển mạnh ngành công nghiệp và dịch vụ nông thôn.
C. những thành tựu trong phát triển văn hóa, giáo dục, y tế.

LIVEWORKSHEETS

D. số lượng lao động trong các công ty liên doanh tăng lên.

Câu 11: Biện pháp chủ yếu để giải quyết tình trạng thiếu việc làm ở nông thôn nước ta hiện nay là

A. đa dạng hóa các hoạt động kinh tế ở nông thôn.

C. ra thành phố tìm kiếm việc làm.

B. phát triển ngành thủ công nghiệp ở nông thôn.

D. tập trung thâm canh tăng vụ.

Câu 12: Để sử dụng có hiệu quả quỹ thời gian lao động dư thừa ở nông thôn, biện pháp tốt nhất là

A. khôi phục các nghề thủ công.

B. tiến hành thâm canh, tăng vụ.

C. phát triển kinh tế hộ gia đình.

D. khai hoang mở rộng diện tích.

Câu 13: Việc làm trở thành vấn đề kinh tế - xã hội lớn ở nước ta hiện nay, là do

A. tỉ lệ thất nghiệp và thiếu việc làm trên cả nước còn lớn.

B. số lượng lao động tăng nhanh hơn so với số việc làm mới.

C. nguồn lao động dồi dào trong khi kinh tế còn chậm phát triển.

D. nguồn lao động dồi dào trong khi chất lượng lao động chưa cao.

Câu 14: Biện pháp quan trọng nhất để giảm sức ép việc làm ở khu vực thành thị là

A. đẩy mạnh xuất khẩu lao động.

B. đẩy mạnh quá trình đô thị hóa.

C. xây dựng cơ cấu kinh tế hợp lí.

D. chuyển cư tới các vùng khác.

Câu 15: Quá trình phân công lao động xã hội ở nước ta chậm chuyển biến, chủ yếu là do

A. năng suất và thu nhập của lao động còn thấp.

B. cơ sở hạ tầng kinh tế chưa phát triển đồng bộ.

C. chưa sử dụng triệt để quỹ thời gian lao động.

D. tỉ lệ thất nghiệp và thiếu việc làm còn cao.

Câu 16: Dân cư nước ta hiện nay

A. cơ cấu dân số trẻ, ít biến động theo nhóm tuổi.

B. gia tăng dân số cao, phân bố đều giữa các vùng.

C. phân bố không đều, tập trung chủ yếu ven biển.

D. còn tăng nhanh, quy mô dân số ngày càng lớn.

Câu 17: Lao động nước ta hiện nay

A. phân bố đồng đều giữa nông thôn và thành thị.

B. tình trạng thất nghiệp được giải quyết triệt để.

C. có sự thay đổi tỉ lệ giữa các khu vực kinh tế.

D. có năng suất tăng cao ngang khu vực Đông Á.

Câu 18: Lao động của lĩnh vực nông - lâm - ngư nghiệp có đặc điểm nào sau đây?

A. Chiếm tỉ trọng cao nhất.

B. Chiếm tỉ trọng cao nhất và đang tăng.

C. Chiếm tỉ trọng thấp nhất.

D. Chiếm tỉ trọng cao nhất và đang giảm.

LIVEWORKSHEETS

Câu 19: Thu nhập bình quân của nguồn lao động nước ta thuộc loại thấp trên thế giới là do

A. người lao động thiếu cần cù, sáng tạo.
B. tuổi trung bình của người lao động cao.
C. phần lớn lao động sống ở nông thôn.
D. hiệu quả, năng suất lao động xã hội thấp.

Câu 20: Dân số nước ta

A. gia tăng rất chậm, cơ cấu rất trẻ.
B. chủ yếu tập trung sống ở đô thị.
C. phân bố đồng đều khắp cả nước.
D. đông, nhiều thành phần dân tộc.

Câu 21: Tỉ trọng lao động trong các ngành kinh tế nước ta đang thay đổi theo hướng

A. giảm dịch vụ, giảm nông nghiệp.
B. tăng công nghiệp, tăng dịch vụ.
C. tăng dịch vụ, tăng nông nghiệp.
D. giảm nông nghiệp, giảm dịch vụ.

Câu 22: Lao động thành thị nước ta hiện nay

A. có qui mô đông và tỉ lệ đang giảm.
B. rất đông, có tỉ lệ thiếu việc làm lớn.
C. thất nghiệp cao, tỉ lệ đang tăng.
D. có kinh nghiệm trong nông nghiệp.

Câu 23: Vấn đề việc làm ở nước ta hiện nay

A. tỉ lệ thất nghiệp ở thành thị thấp hơn nông thôn
B. tỉ lệ thiếu việc làm nông thôn thấp hơn thành thị.
C. tình trạng thất nghiệp, thiếu việc làm giảm nhanh.
D. là một vấn đề kinh tế - xã hội ở nước ta hiện nay.

Câu 24: Để giải quyết vấn đề việc làm của nước ta hiện nay cần

A. phát triển mạnh ngành chăn nuôi.
B. tập trung vào phát triển công nghiệp.
C. phát triển chủ yếu ngành dịch vụ.
D. đa dạng hóa các hoạt động sản xuất.

Câu 25: Việc tập trung quá đông lao động phổ thông ở khu vực thành thị nước ta sẽ

A. có điều kiện để phát triển các ngành công nghệ cao.
B. gây khó khăn cho bố trí, sắp xếp, giải quyết việc làm.
C. giải quyết được nhu cầu về lao động ở các đô thị lớn.
D. có điều kiện thuận lợi để phát triển các ngành dịch vụ.

Câu 26: Cơ cấu lao động theo thành phần kinh tế của nước ta hiện nay

A. giảm tỉ trọng khu vực có vốn đầu tư nước ngoài.
B. phân bố đồng đều giữa các thành phần kinh tế.
C. số lượng ít, chất lượng ngày càng được nâng cao.
D. tăng tỉ trọng khu vực có vốn đầu tư nước ngoài.

Câu 27: Tỉ lệ thời gian lao động được sử dụng ở nông thôn nước ta ngày càng tăng nhờ

A. Việc thực hiện công nghiệp hoá nông thôn.
B. Thanh niên nông thôn đã ra thành thị tìm việc làm.

LIVEWORKSHEETS

C. Chất lượng lao động ở nông thôn đã được nâng lên.

D. Việc đa dạng hoá cơ cấu kinh tế ở nông thôn.

Câu 28: Cơ cấu lao động theo thành thị và nông thôn có sự thay đổi theo hướng

A. giảm tỉ lệ lao động thành thị, tăng tỉ lệ lao động nông thôn.

B. giảm tỉ lệ lao động nông thôn, tăng tỉ lệ lao động thành thị.

C. giảm tỉ lệ lao động cả khu vực nông thôn và thành thị.

D. tăng tỉ lệ lao động cả khu vực nông thôn và thành thị.

Câu 29: Đặc điểm nào sau đây **không** phải là thế mạnh của nguồn lao động của nước ta hiện nay?

A. Có tác phong công nghiệp và tính kỉ luật lao động cao.

B. Chất lượng nguồn lao động đang được nâng lên.

C. Tỉ lệ lao động trẻ cao, thích ứng nhanh khoa học kĩ thuật.

D. Có nhiều kinh nghiệm trong sản xuất nông – lâm - ngư nghiệp.

Câu 30: Lao động nước ta hiên nay

A. lao động nhiều kinh nghiệp, phân bố đều khắp. **B.** phần lớn lao động nước ta đã qua đào tạo.

C. phần lớn lao động nước ta chưa qua đào tạo **D.** lao động dồi dào, chất lượng lao động cao.

Câu 31: Dân cư nước ta hiện nay

A. tập trung chủ yếu ở thành thị. **B.** có mật độ cao ở các đồng bằng.

C. có xu hướng giảm về quy mô. **D.** phân bố hợp lí giữa các vùng.

Câu 32: Đẩy mạnh xuất khẩu lao động nước ta góp phần

A. thúc đẩy sản xuất nông nghiệp phát triển. **B.** giảm tỉ lệ thất nghiệp và thiếu việc làm.

C. phân bố lại dân cư và nguồn lao động. **D.** làm giảm tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên.

Câu 33: Nguồn lao động của nước ta hiện nay

A. chỉ có kinh nghiệm làm ruộng. **B.** có chất lượng đang tăng lên.

C. phần lớn ở khu vực thành thị. **D.** toàn bộ đã được qua đào tạo.

Câu 34: Năng suất lao động xã hội của nước ta hiện nay còn thấp chủ yếu do

A. cơ cấu kinh tế chậm đổi mới. **B.** cơ sở hạ tầng còn hạn chế.

C. phân bố lao động chưa đều. **D.** trình độ lao động chưa cao.

Câu 35: Việc phát triển nghề thủ công truyền thống ở khu vực nông thôn hiện nay góp phần quan trọng nhất vào

A. thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa. **B.** đẩy nhanh chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

C. thay đổi phân bố dân cư trong vùng. **D.** giải quyết sức ép về vấn đề việc làm.

Câu 36: Biện pháp chủ yếu để giải quyết tình trạng thất nghiệp ở thành thị nước ta hiện nay là

A. xây dựng các nhà máy công nghiệp quy mô lớn.

LIVEWORKSHEETS

B. đẩy mạnh phát triển công nghiệp và dịch vụ ở đô thị.

C. phân bố lại lực lượng lao động trên quy mô cả nước.

D. hợp tác lao động quốc tế để xuất khẩu lao động.

Câu 37: Lao động trong nông nghiệp ở nước ta hiện nay

A. tập trung nhiều nhất ở vùng núi.
B. hầu hết đều gia nhập hợp tác xã.
C. trình độ đang dần được nâng lên.
D. phần lớn làm ở ngành chăn nuôi.

Câu 38: Ý nghĩa của việc đẩy mạnh đầu tư phát triển công nghiệp ở Trung du và miền núi nước ta là

A. khai thác tài nguyên và sử dụng tối đa nguồn lao động.
B. tạo nhiều hàng hóa phục vụ trong nước và xuất khẩu.
C. nâng cao tỉ lệ dân thành thị và phân bố dân cư hợp lí.
D. Giải quyết việc làm và nâng cao chất lượng cuộc sống.

Câu 39: Cho bảng số liệu sau:

CƠ CẤU DÂN SỐ CỦA NƯỚC TA QUA MỘT SỐ NĂM (đơn vị: %)

Năm	Cả nước	Thành thị	Nông thôn
1990	100	19,5	80,5
2005	100	27,1	72,9
2010	100	30,5	69,5
2015	100	33,9	66,1

Để thể hiện xu hướng thay đổi cơ cấu dân số của nước ta theo bảng số liệu trên, biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

A. Kết hợp. **B.** Miền. **C.** Đường. **D.** Tròn.

Câu 40 : Cho bảng số liệu: DÂN SỐ VÀ TỶ LỆ GIA TĂNG DÂN SỐ NƯỚC TA (1990 - 2015)

Năm	1990	2000	2005	2010	2015
Cả nước (nghìn người)	66016,7	77630,9	82392,1	86947,4	91709,8
Tỷ lệ gia tăng dân số (%)	1,92	1,35	1,17	1,07	0,9

Để thể hiện tình hình dân số của nước ta theo bảng số liệu trên, biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

A. Đường. **B.** Kết hợp. **C.** Tròn. **D.** Miền.

Câu 41: Đô thị nước ta

A. thu hút toàn bộ vốn đầu tư nước ngoài.
B. tập trung rất nhiều lao động phổ thông.
C. có mật độ đô thị rải đều khắp lãnh thổ.
D. chủ yếu là đô thị loại 2, loại 3 và loại 4.

Câu 42: Phát biểu nào sau đây thể hiện tác động tích cực của quá trình đô thị hóa tới xã hội nước ta?

A. Tạo ra nhiều việc làm cho người lao động.
B. Cơ sở vật chất kĩ thuật được tăng cường.
C. Thúc đẩy sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế.
D. Giảm nguy cơ ô nhiễm môi trường đô thị.

Câu 43: Tác động lớn nhất của đô thị hóa với việc phát triển kinh tế là

A. tạo thêm nhiều việc làm cho lao động.
B. thúc đẩy sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế.
C. tăng thu nhập cho người lao động.
D. tạo thị trường rộng có sức mua lớn.

Câu 44: Để giảm thiểu ảnh hưởng tiêu cực của đô thị hóa, nước ta cần

A. giảm bớt tốc độ đô thị hóa.
B. gắn đô thị hóa với công nghiệp hóa.
C. mở rộng lối sống nông thôn.
D. hạn chế di dân ra thành thị.

Câu 45: Phần lớn dân cư nước ta hiện sống ở nông thôn do

A. quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa chậm.

LIVEWORKSHEETS

B. có sự di dân từ thành thị về nông thôn.

C. nông nghiệp là ngành kinh tế phát triển nhất.

D. điều kiện sống ở nông thôn cao hơn thành thị.

Câu 46: Số dân thành thị và tỉ lệ dân thành thị ở nước ta trong những năm qua thay đổi theo hướng

A. số dân thành thị và tỉ lệ dân thành thị đều giảm.

B. số dân thành thị và tỉ lệ dân thành thị đều tăng.

C. số dân thành thị tăng nhưng tỉ lệ dân thành thị giảm.

D. số dân thành thị giảm nhưng tỉ lệ dân thành thị vẫn tăng.

Câu 47: Biểu hiện nào sau đây chứng tỏ trình độ đô thị hóa của nước ta còn thấp?

A. Xuất hiện nhiều đô thị mới.

B. Mức sống dân cư được cải thiện.

C. Cơ sở hạ tầng còn lạc hậu.

D. Địa giới các đô thị được mở rộng.

Câu 48: Nguyên nhân dẫn tới quá trình đô thị hoá diễn ra mạnh mẽ trong thời gian qua là do

A. quá trình đô thị hoá giả tạo, tự phát.

B. kinh tế phát triển phát triển rất nhanh.

C. công nghiệp hoá phát triển mạnh.

D. mức sống của người dân cao.

Câu 49: Các thành phố ở nước ta hiện nay

A. hoàn toàn trực thuộc các tỉnh.

B. chỉ có chức năng hành chính.

C. tập trung ở khu vực miền núi.

D. là thị trường tiêu thụ rộng.

Câu 32: Đô thị hóa ở nước ta từ năm 1975 đến nay có đặc điểm

A. chuyển biến khá tích cực, cơ sở hạ tầng ở mức độ thấp.

B. chuyển biến khá tích cực, cơ sở hạ tầng đã phát triển.

C. chưa có nhiều chuyển biến, cơ sở hạ tầng ở mức độ thấp.

D. chưa có nhiều chuyển biến, cơ sở hạ tầng không phát triển.

Câu 33: Phát biểu nào sau đây **không** đúng với các thành phố và thị xã ở nước ta?

A. Là thị trường tiêu thụ sản phẩm hàng hóa lớn, đa dạng.

B. Tạo ra động lực cho sự tăng trưởng, phát triển kinh tế.

C. Là nơi sử dụng nhiều lao động có chuyên môn kĩ thuật.

D. Cơ sở vật chất kĩ thuật lạc hậu, sức hút vốn đầu tư kém.

CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ

Câu 1: Tỉ trọng các sản phẩm công nghiệp có chất lượng cao ở nước ta có xu hướng tăng **không** phải chủ yếu do

A. Yêu cầu của thị trường ngày càng cao.

B. trình độ lao động đã được nâng cao.

C. Ứng dụng công nghệ sản xuất hiện đại.

D. Nguồn nguyên liệu ngày càng đa dạng.

Câu 2: Cơ cấu thành phần kinh tế nước ta có sự chuyển dịch tích cực **không** phải do

LIVEWORKSHEETS

A. sự phát triển của nền kinh tế thị trường.
B. tác động công nghiệp hóa, hiện đại hóa.
C. tăng cường giao lưu, hợp tác các nước.
D. phân bố lại dân cư và nguồn lao động.

Câu 3: Vai trò chủ đạo của thành phần kinh tế Nhà nước ở nước ta được biểu hiện rõ nhất là
A. thu hút nguồn lao động và vốn đầu tư nhiều nhất.
B. chiếm tỉ trọng GDP cao nhất trong cơ cấu kinh tế.
C. quản lí nhiều ngành và lĩnh vực kinh tế then chốt.
D. cơ cấu ngành đa dạng và phát triển nhiều lĩnh vực.

Câu 4: Vấn đề có ý nghĩa chiến lược quan trọng trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước là
A. xác định cơ cấu kinh tế hợp lí và thúc đẩy sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế.
B. xác định cơ cấu kinh tế hợp lí và tổ chức phân công lao động lãnh thổ.
C. thúc đẩy sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế hợp lí và phân bố lại sản xuất.
D. thúc đẩy sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế hợp lí và sản xuất chuyên môn hóa.

Câu 5: Phát biểu nào sau đây **không** đúng với xu hướng chuyển dịch trong khu vực nông – lâm – ngư nghiệp của nước ta?
A. Tỉ trọng có xu hướng giảm trong cơ cấu GDP.
B. Tốc độ chuyển dịch cơ cấu ngành còn chậm.
C. Tỉ trọng trồng trọt có xu hướng giảm nhanh.
D. Chăn nuôi ngày càng tăng về tỉ trọng GDP.

Câu 6: Ý nghĩa chủ yếu của việc chuyển dich cơ cấu ngành kinh tế nước ta **không** phải là
A. thay đổi cơ cấu lao động theo ngành.
B. đa dạng hóa cơ cấu ngành kinh tế.
C. góp phần giải quyết vấn đề việc làm.
D. làm tăng trình độ của nguồn lao động.

Câu 7: Ở khu vực II, công nghiệp đang có xu hướng đa dạng hóa sản phẩm để
A. tận dụng các thế mạnh về các loại khoáng sản và nguồn lao động.
B. phù hợp hơn với yêu cầu của thị trường và sử dụng tốt lao động.
C. tăng hiệu quả đầu tư và tận dụng các thế mạnh về khoáng sản.
D. phù hợp hơn với yêu cầu của thị trường và tăng hiệu quả đầu tư

Câu 8: Khu vực II có tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm nhanh nhất trong nền kinh tế nước ta, chủ yếu do
A. nước ta có nguồn tài nguyên thiên nhiên đa dạng và nguồn lao động dồi dào.
B. xu hướng chuyển dịch của thế giới và tác động của cách mạng khoa học – kĩ thuật.
C. chính sách phát triển kinh tế của Nhà nước và xu thế phát triển chung của thế giới.
D. đẩy mạnh áp dụng những tiến bộ khoa học và kĩ thuật trong sản xuất.

Câu 9: Xu hướng chuyển dịch trong khu vực công nghiệp – xây dựng của nước ta hiện nay **không** phải là
A. đang chuyển dịch theo xu hướng tích cực.
B. nâng cao chất lượng, hạ giá thành sản phẩm.
C. có tỉ trọng ngày càng lớn trong cơ cấu GDP.
D. tốc độ chuyển dịch cơ cấu ngành rất nhanh.

Câu 10: Trong cơ cấu GDP phân theo thành phần kinh tế, có vai trò ngày càng quan trọng và tỉ trọng tăng nhanh nhất là
A. kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.
B. kinh tế Nhà nước.
C. kinh tế tập thể.
D. kinh tế tư nhân.

Câu 11: Phát biểu nào sau đây **không** đúng với xu hướng chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế nước ta?
A. Phù hợp với quá trình công nghiệp hóa.
B. Tốc độ chuyển dịch diễn ra rất nhanh.
C. Chuyển dịch trong từng ngành khá rõ.
D. Đang chuyển dịch theo hướng tích cực.

Câu 12: Cơ cấu kinh tế nước ta chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa – hiện đại hóa thể hiện ở
A. khu vực I chiếm tỉ trọng cao, tỉ trọng khu vực III tăng, khu vực II tăng chậm.
B. khu vực I chiếm tỉ trọng cao nhất; khu vực II và III chiếm tỉ trọng thấp.
C. khu vực I chiếm tỉ trọng cao nhưng xu hướng giảm; khu vực II tăng mạnh; dịch vụ không tăng.
D. khu vực I xu hướng giảm; khu vực II tăng mạnh; khu vực III cao nhưng chưa ổn định.

LIVEWORKSHEETS

Câu 13: Vấn đề nào sau đây có ý nghĩa quan trọng thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa của nước ta hiện nay?

A. Phát triển nhiều ngành công nghiệp trọng điểm.
B. Đẩy nhanh tốc độ chuyển dịch cơ cấu kinh tế.
C. Thu hút sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế.
D. Hình thành các vùng động lực phát triển kinh tế.

Câu 14: Vai trò chủ đạo trong nền kinh tế của thành phần Nhà nước được thể hiện

A. quản lí các ngành và lĩnh vực kinh tế then chốt.
B. chiếm ½ cơ cấu GDP theo thành phần, xu hướng giảm.
C. có quyền chi phối các thành phần kinh tế còn lại.
D. chiếm tỉ trọng GDP cao nhất và xu hướng tăng.

Câu 15: Biểu hiện của chuyển dịch cơ cấu lãnh thổ kinh tế nước ta **không** phải là đã hình thành nên

A. vùng động lực phát triển kinh tế. **B.** các khu công nghiệp tập trung.
C. kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài. **D.** vùng chuyên canh, khu chế xuất.

Câu 16: Biểu hiện của chuyển dịch cơ cấu lãnh thổ kinh tế nước ta là đã hình thành nên

A. vùng kinh tế trọng điểm, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, khu chế xuất.
B. khu chế xuất, dịch vụ chuyển giao công nghệ, vùng kinh tế trọng điểm.
C. các vùng chuyên canh, các khu công nghiệp tập trung, khu chế xuất.
D. ngành công nghiệp chế biến và viễn thông, hoạt động tư vấn đầu tư.

Câu 17: Ý nghĩa của việc chuyển dịch trong nội bộ từng ngành kinh tế nước ta **không** phải là

A. thúc đẩy nhanh tốc độ chuyển dịch cơ cấu. **B.** đẩy nhanh tăng trưởng kinh tế từng ngành.
C. đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường. **D.** hạn chế việc nhập khẩu nguyên nhiên liệu.

Câu 18: Biểu hiện của một nền kinh tế tăng trưởng bền vững là

A. giải quyết tốt các vấn đề xã hội và môi trường. **B.** nhịp độ phát triển cao, cơ cấu kinh tế hợp lí.
C. tốc độ tăng trưởng kinh tế rất cao và ổn định. **D.** cơ cấu kinh tế có tốc độ chuyển dịch nhanh.

Câu 19: Tỉ trọng của thành phần kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài ở nước ta có xu hướng tăng **không** phải chủ yếu do

A. xu thế hội nhập sâu rộng của nền kinh tế **B.** đường lối phát triển nhiều thành kinh tế.
C. môi trường đầu tư kinh doanh được cải thiện. **D.** đầu tư chủ yếu ở các ngành kinh tế then chốt.

Câu 20: Phát biểu nào sau đây **không** đúng với cơ cấu lãnh thổ kinh tế nước ta hiện nay?

A. Hình thành các vùng động lực kinh tế. **B.** Phát triển nhiều vùng chuyên môn hóa.
C. Hình thành các vùng kinh tế trọng điểm. **D.** Đẩy mạnh ngành công nghiệp trọng điểm.

Câu 21: Cơ cấu sản xuất công nghiệp của nước ta đang chuyển dịch theo hướng

A. giảm tỉ trọng công nghiệp chế biến. **B.** tăng tỉ trọng sản phẩm chất lượng thấp.
C. đa dạng hóa sản phẩm công nghiệp. **D.** tăng tỉ trọng công nghiệp khai thác.

Câu 22: Trong những năm qua, các ngành dịch vụ ngày càng đóng góp nhiều hơn cho sự tăng trưởng kinh tế đất nước một phần là do

A. nhiều loại hình dịch vụ mới ra đời có hiệu quả cao.
B. huy động được lao động có tri thức cao của cả nước.
C. tốc độ tăng trưởng của ngành công nghiệp suy giảm.
D. có nhiều điều kiện thuận lợi về vị trí và tài nguyên.

Câu 23: Ở nền kinh tế nước ta hiện nay, thành phần kinh tế giữ vai trò chủ đạo là

A. kinh tế tư nhân. **B.** kinh tế Nhà nước.
C. kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài **D.** kinh tế ngoài Nhà nước.

Câu 24: Trong ngành trồng trọt nước ta, xu hướng giảm tỉ trọng cây lương thực, tăng tỉ trọng cây công nghiệp, nhằm

LIVEWORKSHEETS

A. nâng cao hiệu quả kinh tế nông nghiệp.
B. đưa nông nghiệp sang sản xuất hàng hóa.
C. tạo ra nhiều loại sản phẩm để xuất khẩu.
D. phát huy các lợi thế về đất đai, khí hậu.

Câu 25: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về vai trò của thành phần kinh tế ngoài Nhà nước trong nền kinh tế nước ta hiện nay?
A. Có tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu GDP.
B. Hoạt động đa dạng trên nhiều lĩnh vực.
C. Giữ vai trò chủ đạo trong các ngành then chốt.
D. Thu hút đông đảo lực lượng lao động trẻ.

Câu 26: Tỉ trọng của thành phần kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài ở nước ta tăng chủ yếu do tác động của
A. toàn cầu hóa và công nghiệp hóa
B. đô thị hóa và xu thế khu vực hóa.
C. công nghiệp hóa và đô thị hóa.
D. khu vực hóa và toàn cầu hóa.

Câu 27: Phát biểu nào sau đây **không** đúng với xu hướng chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế nước ta?
A. Các ngành kinh tế đều chuyển dịch nhanh.
B. Đang chuyển dịch theo hướng tích cực.
C. Phù hợp với quá trình công nghiệp hóa.
D. Có sự chuyển dịch khá rõ trong mỗi ngành.

Câu 28: Xu hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo lãnh thổ ở nước ta là **không** phải là
A. phát triển các ngành tận dụng được lợi thế nguồn lao động.
B. hình thành các vùng chuyên môn hóa sản xuất qui mô lớn.
C. hình thành các khu công nghiệp tập trung, khu chế xuất.
D. hình thành các vùng động lực và vùng kinh tế trọng điểm.

Câu 29: Tác động chủ yếu của việc chuyển dịch cơ cấu ngành kinh nước ta là
A. tăng tỉ lệ lao động trong ngành nông - lâm - ngư nghiệp.
B. giảm tỉ lệ lao động trong ngành công nghiệp, nông nghiệp.
C. giảm tỉ lệ lao động làm việc trong dịch vu và nông nghiệp.
D. tăng tỉ lệ lao động của công nghiệp - xây dựng và dịch vụ

Câu 30: Việc phát huy thế mạnh của từng vùng lãnh thổ đã tạo điều kiện cho
A. chuyển dịch cơ cấu kinh tế và hình thành ngành viễn thông.
B. hình thành vùng kinh tế trọng điểm và dịch vụ tư vấn đầu tư.
C. sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế và phân hóa sản xuất giữa các vùng.
D. phân hóa sản xuất giữa các vùng và hình thành vùng kinh tế trọng điểm.

Câu 31: Sự chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế nước ta trong thời gian qua được đánh giá là
A. đáp ứng được yêu cầu phát triển hiện nay
B. tích cực, đúng hướng nhưng còn chậm.
C. nhanh, quyết liệt và đúng hướng.
D. nhanh, đúng hướng và phù hợp yêu cầu.

Câu 32: Phát biểu nào sau đây đúng với cơ cấu thành phần kinh tế nước ta hiện nay?
A. Kinh tế có vốn đầu nước ngoài tỉ trọng cao nhất.
B. Kinh tế Nhà nước vẫn giữ vai trò chủ đạo.
C. Tỉ trọng của kinh tế Nhà nước ngày càng tăng.
D. Tỉ trọng của kinh tế tư nhân có xu hướng giảm.

Câu 33: Mục đích của việc hình thành các vùng chuyên môn hóa sản xuất **không** phải là
A. thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế.
B. tăng cường quá trình hội nhập quốc tế.
C. phát huy các thế mạnh của từng vùng.
D. giảm phân hóa sản xuất giữa các vùng.

Câu 34: Một nền kinh tế tăng trưởng bền vững thể hiện ở
A. cơ cấu kinh tế chuyển dịch hợp lí và mạnh mẽ.
B. nhịp độ tăng trưởng kinh tế cao và ổn định.
C. tốc độ tăng trưởng cao và bảo vệ môi trường.
D. nhịp độ tăng trưởng cao, cơ cấu kinh tế hợp lí.

CHỦ ĐỀ NÔNG NGHIỆP

Câu 1. Điều kiện chủ yếu nào sau đây thuận lợi cho hoạt động khai thác thủy sản ở nước ta?

LIVEWORKSHEETS

A. vùng đặc quyền kinh tế rộng, vùng biển ấm nóng quanh năm.

B. nhiều tỉnh thành giáp biển, nhân dân có kinh nghiệm đánh bắt.

C. nguồn lợi hải sản phong phú, có các ngư trường trọng điểm.

D. biển có trữ lượng hải sản lớn, nhiều loài đặc sản có giá trị cao.

Câu 2. Sản lượng khai thác thủy sản ở nước ta tăng nhanh trong thời gian gần đây, chủ yếu do

A. đa dạng các dịch vụ thủy sản, đổi mới các kỹ thuật khai thác.

B. hạn chế đánh bắt ven bờ, đẩy mạnh hoạt động đánh bắt xa bờ.

C. tăng số lượng và công suất tàu, mở rộng thị trường tiêu thụ.

D. nâng cao chất lượng lao động, phát triển các cơ sở chế biến.

Câu 3. Khó khăn về cơ sở vật chất kĩ thuật của ngành thủy sản nước ta là

A. ở một số vùng ven biển, môi trường bị suy thoái.

B. hệ thống cảng cá còn chưa đáp ứng được yêu cầu.

C. hàng năm, có nhiều cơn bão xuất hiện ở biển Đông.

D. nguồn lợi thủy sản gần bờ bị suy giảm nghiêm trọng.

Câu 4. Điều kiện về kinh tế - xã hội đối với ngành thủy sản ở nước ta là

A. bờ biển dài, vùng đặc quyền kinh tế rộng lớn.

B. vùng biển có nguồn lợi hải sản khá phong phú.

C. thị trường ngoài nước về thủy sản được mở rộng.

D. có nhiều nơi thuận lợi cho nuôi trồng thủy sản.

Câu 5. Nguyên nhân chủ yếu thúc đẩy ngành thủy sản ở nước ta phát triển mạnh trong thời gian gần đây là

A. thị trường tiêu thụ được mở rộng.

B. công nghiệp chế biến phát triển.

C. tăng số lượng và công suất tàu.

D. ngư dân có nhiều kinh nghiệm.

Câu 6. Khó khăn về tài nguyên thủy sản của nước ta hiện nay là

A. tàu thuyền và các phương tiện đánh bắt còn chậm đổi mới.

B. hệ thống cảng cá và chế biến chưa đáp ứng được yêu cầu

C. chế biến thủy sản, nâng cao chất lượng sản phẩm hạn chế.

D. môi trường biển bị suy thoái, nguồn lợi thủy sản suy giảm.

Câu 7. Điều kiện tự nhiên thuận lợi cho hoạt động nuôi trồng thủy sản nước ngọt ở nước ta là

A. bờ biển dài và vùng đặc quyền kinh tế rộng.

B. có nhiều sông suối, kênh rạch, ao hồ.

C. có nhiều hồ thủy lợi và hồ thủy điện lớn.

D. nhiều bãi triều, đầm phá, vũng vịnh.

Câu 8. Điều kiện thuận lợi cho nuôi trồng thủy sản nước lợ ở nước ta **không** phải là

A. Bãi triều. B. Đầm phá. C. Ô trũng đồng bằng. D. Rừng ngập mặn.

Câu 9. Điều kiện tự nhiên thuận lợi cho hoạt động đánh bắt hải sản của nước ta là

A. bờ biển dài, vùng đặc quyền kinh tế rộng.

B. nhu cầu thị trường thế giới ngày càng lớn.

C. có nhiều sông ngòi, kênh rạch, ao hồ, suối.

D. nhân dân có nhiều kinh nghiệm đánh bắt.

Câu 10. Khó khăn chủ yếu của ngành thủy sản nước ta là

A. môi trường biển bị suy thoái, hệ thống cảng cá chưa đáp ứng yêu cầu.

B. nhiều cơn bão xuất hiện ở biển Đông, công nghiệp chế biến hạn chế.

C. nguồn lợi thủy sản bị suy giảm, thiếu đội ngũ lao động có trình độ.

LIVEWORKSHEETS

D. chất lượng sản phẩm hạn chế, phương tiện đánh bắt chậm đổi mới.

Câu 11. Để tăng sản lượng thủy sản khai thác ở nước ta, vấn đề quan trọng nhất là

A. đầu tư phương tiện hiện đại, đẩy mạnh đánh bắt xa bờ.

B. tăng cường đẩy mạnh đánh bắt nguồn thủy sản nội địa

C. phổ biến kinh nghiệm và trang bị kiến thức cho ngư dân.

D. tìm kiếm và tăng cường khai thác ở các ngư trường mới.

Câu 12. Khó khăn chủ yếu ảnh hưởng đến hoạt động khai thác thủy sản ở nước ta là

A. một số vùng ven biển, môi trường bị suy thoái, nguồn lợi suy giảm.

B. nhiều vùng diện tích bãi cá tôm nhỏ, ít các ngư trường trọng điểm.

C. hàng năm có nhiều cơn bão, gió mùa Đông Bắc xuất hiện ở Biển Đông.

D. tác động của biến đổi khí hậu, mực nước biển đang ngày càng dâng cao.

Câu 13. Khó khăn đối với ngành thủy sản ở một số vùng ven biển nước ta là

A. thiếu lực lượng lao động trẻ. **B.** nguồn lợi thủy sản bị suy giảm.

C. không tiêu thụ được sản phẩm. **D.** không có phương tiện đánh bắt.

Câu 14. Nội dung nào sau đây **không** đúng với sự phát triển và phân bố ngành thủy sản nước ta ?

A. Sản lượng thủy sản lớn hơn sản lượng của ngành chăn nuôi.

B. Sản lượng thủy sản bình quân đầu người có xu hướng tăng.

C. Sản lượng khai thác tăng chậm hơn sản lượng nuôi trồng.

D. Thủy sản nuôi trồng có tỉ trọng ngày càng tăng trong cơ cấu.

Câu 15. Phát biểu nào sau đây **không** đúng với hoạt động khai thác thủy sản của nước ta hiện nay?

A. Sản lượng khai thác ngày càng tăng. B. Đẩy mạnh hoạt động đánh bắt xa bờ.

C. Giá trị sản xuất cá biển chiếm tỉ trọng lớn. D. Khai thác chủ yếu là thủy sản nội địa.

Câu 16. Tất cả các tỉnh giáp biển đều đẩy mạnh đánh bắt hải sản, nhưng nghề cá có vai trò lớn hơn ở

A. Nam Bộ và Đồng bằng sông Hồng.

B. Duyên hải Nam Trung Bộ và Bắc Trung Bộ.

C. Duyên hải Nam Trung Bộ và Nam Bộ

D. Bắc Trung Bộ và Nam Bộ.

Câu 17. Khó khăn chủ yếu đối với hoạt động nuôi tôm ở nước ta hiện nay là

A. trong năm có khoảng 9 - 10 cơn bão xuất hiện.

B. hàng năm có khoảng 30 - 35 đợt gió mùa Đông Bắc.

C. dịch bệnh xảy ra trên diện rộng gây nhiều thiệt hại.

D. môi trường một số vùng ven biển đang bị suy thoái.

Câu 18. Phát biểu nào sau đây **không** đúng với hoạt động nuôi tôm ở nước ta hiện nay?

A. Là đối tượng nuôi chủ yếu hiện nay ở nước ta.

B. Nghề nuôi tôm đang được phát triển mạnh.

C. Kỹ thuật nuôi tôm ngày càng tiên tiến hơn.

D. Vùng nuôi tôm lớn nhất là Duyên hải Nam Trung Bộ.

Câu 19. Vùng nuôi tôm lớn nhất nước ta hiện nay là

A. Đồng bằng sông Cửu Long. B. Bắc Trung Bộ.

LIVEWORKSHEETS

C. Duyên hải Nam Trung Bộ. D. Đồng bằng sông Hồng.

Câu 20. Điều kiện nào sau đây thuận lợi cho nuôi trồng thủy sản nước ngọt ở Đồng bằng sông Cửu Long?

A. Có nhiều vùng cửa sông. B. Có các bãi triều rộng.

C. Có các cánh rừng ngập mặn. D. Sông ngòi, kênh rạch chằng chịt

Câu 21. Nghề nuôi cá nước ngọt phát triển mạnh nhất ở những vùng nào sau đây?

A. Đồng bằng sông Cửu Long và Đồng bằng sông Hồng.

B. Đồng bằng sông Cửu Long và Bắc Trung Bộ.

C. Đồng bằng sông Hồng và Duyên hải Nam Trung Bộ.

D. Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ.

Câu 22. Ý nghĩa của việc đẩy mạnh đánh bắt xa bờ ở nước ta **không** phải là

A. tăng nhanh sản lượng thủy sản.

B. bảo vệ chủ quyền vùng biển đảo.

C. hạn chế suy giảm nguồn lợi ven bờ.

D. hạn chế ảnh hưởng của thiên tai.

Câu 23. Nuôi trồng thủy sản ngày càng được chú trọng phát triển ở nước ta **không** phải do

A. nguồn lợi thủy sản tự nhiên đang suy giảm nghiêm trọng.

B. đáp ứng tốt hơn nhu cầu ngày càng tăng của thị trường.

C. chủ động hơn trong khâu sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

D. đòi hỏi ít về đầu tư vốn, lao động và kĩ thuật sản xuất.

Câu 24. Nguyên nhân chủ yếu làm cho nghề nuôi tôm nước ta phát triển nhanh trong những năm gần đây là do

A. thị trường ngoài nước được mở rộng và có nhu cầu ngày càng lớn.

B. điều kiện nuôi rất thuận lợi, kĩ thuật nuôi ngày càng được cải tiến.

C. giá trị sản phẩm được nâng cao nhờ đẩy mạnh công nghiệp chế biến.

D. năng suất lao động tăng lên, chính sách nuôi thủy sản của Nhà nước.

Câu 25. Nguyên nhân chủ yếu làm cho hoạt động khai thác hải sản xa bờ ở nước ta ngày càng phát triển là do

A. nguồn lợi sinh vật biển ngày càng phong phú.

B. cơ sở chế biến thủy sản ngày càng phát triển.

C. lao động có kinh nghiệm ngày càng đông.

D. tàu thuyền, ngư cụ ngày càng trang bị tốt.

Câu 26. Thuận lợi chủ yếu để nuôi trồng thủy sản ở nước ta là

A. biển có nhiều loài đặc sản giá trị kinh tế cao.

B. bờ biển có bãi triều, đầm phá, rừng ngập mặn.

C. bờ biển dài, vùng đặc quyền kinh tế rộng lớn.

D. vùng biển có nguồn lợi hải sản phong phú.

Câu 27. Ý nghĩa về mặt kinh tế của rừng được biểu hiện ở việc

A. góp phần điều hòa khí hậu và hạn chế ô nhiễm môi trường không khí.

B. đóng góp vai trò quan trọng trong bảo vệ đất, ngăn cản quá trình xói mòn.

C. cung cấp nhiều loại lâm sản các dược liệu có giá trị kinh tế cao.

LIVEWORKSHEETS

D. có tác dụng điều hòa lượng nước trên mặt đất và giữ mực nước ngầm.

Câu 28. Ngành lâm nghiệp có vai trò đặc biệt trong cơ cấu kinh tế của hầu hết các vùng lãnh thổ nước ta chủ yếu do

A. rừng có nhiều giá trị về kinh tế và môi trường sinh thái.

B. nhu cầu về tài nguyên rừng cho sản xuất và đời sống rất phổ biến,

C. nước ta có 3/4 diện tích là đồi núi, lại có vùng rừng ngập mặn ven biển.

D. độ che phủ rừng nước ta tương đối lớn và hiện cso xu hướng gia tăng.

Câu 29. Các vườn quốc gia, các khu bảo tồn thiên nhiên được xếp vào nhóm

A. rừng sản xuất **B.** rừng phòng hộ **C.** rừng đặc dụng. **D.** rừng tái sinh.

Câu 30. Vai trò quan trọng nhất của các khu rừng đặc dụng là

A. phát triển hoạt động du lịch sinh thái.

B. bảo vệ môi trường đất và môi trường nước.

C. bảo vệ hệ sinh thái và các giống loài quý hiếm.

D. cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến và xuất khẩu.

Câu 31. Phần lớn diện tích rừng ngập mặn ven biển của nước ta tập trung chủ yếu ở vùng

A. ĐBSH **B.** Bắc Trung Bộ. **C.** Đông Nam Bộ. **D.** ĐBSCL

Câu 32. Rừng ngập mặn **không** có vai trò nào sau đây?

A. Nơi cư trú của nhiều loài thủy sản. **B.** Cung cấp gỗ củi cho dân dụng.

C. Có tác dụng chắn sóng và lấn biển. **D.** Hạn chế lũ trên các sông lớn.

Câu 33. Diện tích rừng ngập mặn của nước ta ngày càng bị suy giảm, chủ yếu do

A. phá rừng để mở rộng đất thổ cư. **B.** mở rộng diện tích nuôi trồng thủy sản.

C. phá rừng để khai thác gỗ củi. **D.** ô nhiễm môi trường đất và nước

Câu 34. Nguyên nhân chủ yếu làm tăng diện tích rừng nước ta trong những năm gần đây là do

A. đẩy mạnh trồng rừng và chính sách giao rừng cho dân.

B. sự quan tâm của các cấp chính quyền địa phương.

C. chiến tranh đã kết thúc.

D. sự hạn chế nạn du canh, du cư của đồng bào các dân tộc.

Câu 35.Các xí nghiệp gỗ và lâm sản tập trung chủ yếu ở Tây Nguyên và Bắc Trung Bộ do

A. có nguồn nguyên liệu phong phú. **B.** công nghiệp chế biến gỗ phát triển.

C. gần thị trường tiêu thụ. **D.** tận dụng nguồn lao động.

Câu 36. Hoạt động nào sau đây **không** phải của ngành lâm nghiệp?

A. Trồng rừng. **B.** Khoanh nuôi và bảo vệ rừng.

C. Khai thác, chế biến lâm sản. **D.** Lai tạo giống cây trồng, vật nuôi.

CHỦ ĐỀ: CÔNG NGHIỆP

Câu 1: Công nghiệp nước ta phân bố nhiều ở

A. hải đảo. **B.** sơn nguyên. **C.** ven biển. **D.** núi cao.

Câu 2: Thủy điện nước ta thuộc ngành công nghiệp nào sau đây?

A. Năng lượng. **B.** Cơ khí **C.** Vật liệu xây dựng. **D.** Luyện kim.

Câu 3: Công nghiệp nước ta phân bố nhiều ở

A. đồng bằng. **B.** hải đảo. **C.** sơn nguyên. **D.** núi cao.

Câu 4: Nhiệt điện ở nước ta thuộc ngành công nghiệp nào sau đây?

A. Cơ khí. **B.** Luyện kim. **C.** Năng lượng. **D.** Vật liệu xây dựng.

LIVEWORKSHEETS

Câu 5: Công nghiệp nước ta hiện nay

A. thu hút nhiều đầu tư. **B.** chỉ có chế biến. **C.** còn thô sơ. **D.** rất ít sản phẩm.

Câu 6: Khai thác than ở nước ta thuộc ngành công nghiệp nào sau đây?

A. Cơ khí. **B.** Năng lượng. **C.** Luyện kim. **D.** Hóa chất.

Câu 7: Công nghiệp nước ta hiện nay

A. có nhiều trung tâm. **B.** ít sản phẩm. **C.** chỉ có khai khoáng. **D.** rất hiện đại.

Câu 8: Khai thác dầu khí ở nước ta thuộc ngành công nghiệp nào sau đây?

A. Năng lượng. **B.** Cơ khí. **C.** Vật liệu xây dựng. **D.** Luyện kim.

Câu 9: Hoạt động công nghiệp của nước ta hiện nay

A. tập trung ở các đảo. **B.** chỉ có ở đồng bằng. **C.** đều khắp ở đồi núi. **D.** có ở nhiều nơi.

Câu 10: Trong cơ cấu công nghiệp năng lượng nước ta có ngành

A. nhiệt điện. **B.** chế biến thực phẩm. **C.** vật liệu xây dựng. **D.** hóa chất.

Câu 11: Hoạt động công nghiệp của nước ta hiện nay

A. tập trung ở miền núi. **B.** chỉ có ở ven biển. **C.** chỉ có ở đồng bằng. **D.** phân bố ở nhiều nơi.

Câu 12: Trong cơ cấu công nghiệp năng lượng nước ta có ngành

A. khai thác than. **B.** luyện kim đen. **C.** dệt, may. **D.** hóa chất.

Câu 13: Tỉ trọng công nghiệp chế biến tăng trong cơ cấu ngành công nghiệp nước ta do nguyên nhân chủ yếu nào sau đây?

A. Khả năng thu hút vốn đầu tư cao. **B.** Do chính sách của Nhà nước.

C. Đáp ứng tốt nhu cầu thị trường. **D.** Xuất khẩu ngày càng mở rộng.

Câu 14: Ngành công nghiệp chế biến thủy sản nước ta tập trung chủ yếu tại

A. vùng đồi núi. **B.** các vùng nguyên liệu. **C.** các đô thị lớn. **D.** các cảng biển.

Câu 15: Tiềm năng thủy điện của nước ta tập trung chủ yếu ở hệ thống

A. sông Đồng Nai. **B.** sông Hồng. **C.** sông Mã. **D.** sông Cả.

Câu 16: Tác động lớn nhất của quá trình công nghiệp hóa đến nền kinh tế nước ta là

A. tạo thị trường có sức mua lớn. **B.** thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

C. tăng thu nhập cho người lao động. **D.** tạo việc làm cho người lao động.

Câu 17: Phát biểu nào sau đây **không** đúng với ngành công nghiệp dầu khí ở nước ta hiện nay?

A. Lọc, hóa dầu chưa đáp ứng được yêu cầu. **B.** Nước ta chủ động hoàn toàn về khai thác.

C. Nguy cơ ô nhiễm môi trường biển rất cao. **D.** Phát triển chủ yếu ở khu vực phía Nam.

Câu 18: Biểu hiện rõ nhất của cơ cấu công nghiệp theo ngành được thể hiện ở

A. mối quan hệ giữa các ngành công nghiệp trong hệ thống.

B. tỉ trọng của từng ngành so với giá trị của toàn ngành.

C. sự phân chia các ngành công nghiệp trong hệ thống.

D. số lượng các ngành công nghiệp trong toàn bộ hệ thống.

Câu 19: Điểm khác nhau giữa các nhà máy nhiệt điện ở miền Bắc và miền Nam là

A. các nhà máy miền Nam thường có quy mô lớn hơn miền Bắc.

B. miền Bắc chạy bằng than, miền Nam chạy bằng dầu hoặc khí.

C. miền Bắc nằm gần vùng nhiên liệu, miền Nam gần thành phố.

D. miền Bắc được xây dựng sớm hơn các nhà máy ở miền Nam.

Câu 20: Khu vực có mức độ tập trung công nghiệp vào loại cao nhất cả nước nhưng tổng giá trị sản xuất công nghiệp **không** phải đứng đầu là

A. Đông Nam Bộ. **B.** Đồng bằng sông Hồng.

C. Đồng bằng sông Cửu Long. **D.** Duyên hải miền Trung.

Câu 21: Vùng nào sau đây có lợi thế nhất để phát triển công nghiệp chế biến thủy, hải sản?

A. Bắc Trung Bộ. **B.** Duyên Hải Nam Trung Bộ.

LIVEWORKSHEETS

C. Đồng bằng Sông Cửu Long. **D.** Đông Nam Bộ.

Câu 22: Việc chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp ở nước ta hiện nay nhằm mục đích chủ yếu nào sau đây?

A. Đáp ứng tốt yêu cầu của thị trường. **B.** Tạo sức hấp dẫn đầu tư nước ngoài.

C. Giải quyết việc làm cho lao động. **D.** Thúc đẩy sự phân công lao động.

Câu 23: Sản xuất hàng tiêu dùng là ngành công nghiệp trọng điểm ở nước ta chủ yếu do có

A. sản phẩm phong phú, hiệu quả kinh tế cao, phân bố rộng khắp.

B. cơ cấu đa dạng, thúc đẩy nông nghiệp phát triển, tăng thu nhập.

C. tỉ trọng lớn nhất, đáp ứng nhu cầu rộng, thu hút nhiều lao động.

D. thế mạnh lâu dài, hiệu quả cao, thúc đẩy ngành khác phát triển.

Câu 24: Cơ cấu ngành công nghiệp nước ta đang chuyển dịch rõ nét nhằm

A. thích nghi với cơ chế thị trường, hội nhập khu vực, thế giới.

B. nâng cao hiệu quả kinh tế, nâng cao chất lượng sản phẩm.

C. phát huy tiềm năng và thế mạnh của các thành phần kinh tế.

D. thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo thêm việc làm.

Câu 25: Vai trò quan trọng của công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm đối với nông nghiệp là

A. góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn.

B. đa dạng hơn trong cơ cấu sản phẩm nông nghiệp.

C. nâng cao chất lượng và giá trị của các nông sản.

D. đẩy mạnh sản xuất hàng hóa trong nông nghiệp.

Câu 26: Biện pháp chủ yếu để tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm công nghiệp nước ta là

A. thu hút nhiều thành phần kinh tế tham gia. **B.** xây dựng cơ cấu ngành tương đối linh hoạt.

C. đầu tư theo chiều sâu, đổi mới công nghệ. **D.** đảm bảo nguyên liệu, chú trọng xuất khẩu.

Câu 27: Vai trò quan trọng của công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm đối với nông nghiệp là

A. góp phần tạo sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn.

B. tăng tính đa dạng trong cơ cấu sản phẩm nông nghiệp.

C. nâng cao chất lượng và giá trị thương phẩm của nông sản.

D. thúc đẩy sản xuất hàng hóa qui mô lớn trong nông nghiệp.

Câu 28: Công nghiệp ở trung du và miền núi nước ta còn gặp nhiều hạn chế trong phát triển là do

A. vị trí địa lí không thuận lợi. **B.** nghèo tài nguyên khoáng sản.

C. thiếu lao động có chuyên môn cao. **D.** điều kiện phát triển thiếu đồng bộ.

Câu 29: Sản phẩm nào sau đây của nước ta thuộc công nghiệp xay xát?

A. Cà phê nhân. **B.** Nước mắm. **C.** Đường mía. **D.** Gạo, ngô.

Câu 31: Sản phẩm nào sau đây của nước ta thuộc công nghiệp chế biến sản phẩm trồng trọt?

A. Thịt hộp. **B.** Nước mắm. **C.** Rượu, bia. **D.** Sữa hộp.

Câu 32: Sản phẩm nào sau đây của nước ta thuộc công nghiệp chế biến thủy, hải sản?

A. Cà phê nhân. **B.** Chè búp khô. **C.** Đường mía. **D.** Cá đóng hộp.

Câu 33: Sản phẩm nào sau đây của nước ta thuộc công nghiệp chế biến thủy, hải sản?

A. Nước mắm. **B.** Gạo, ngô. **C.** Đường mía. **D.** Cà phê nhân.

Câu 34: Loại nào sau đây ở nước ta thuộc công nghiệp chế biến thủy, hải sản?

A. Cà phê nhân. **B.** Chè búp khô. **C.** Cá đóng hộp. **D.** Thịt hộp.

Câu 35: Các nhà máy nhiệt điện khí nước ta tập trung chủ yếu ở

A. trung bộ. **B.** đồng bằng. **C.** vùng ven biển. **D.** miền Nam.

Câu 36: Công nghiệp chế biến chè nước ta hiện nay phân bố

A. đồng bằng và ven biển. **B.** ở trung du, miền núi.

C. tập trung ở đô thị. **D.** chủ yếu ở đồng bằng.

Câu 37: Cơ cấu sản lượng điện nước ta hiện nay ưu thế nghiêng về

LIVEWORKSHEETS